

TUẦN 3

TIẾT 1

LUYỆN TẬP CHUNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :

- Củng cố kiến thức về phân số thập phân.

- Biết chuyên:

+ Phân số thành phân số thập phân; Chuyển hỗn số thành phân số.

+ Chuyên số đo từ đơn vị bé ra đơn vị lớn hơn, số đo có hai tên đơn vị đo thành số đo có một tên đơn vị đo.

+ HS M1, M2 làm được bài 1,2,3 học sinh còn lại hoàn thành tốt các bài tập.

- Giáo dục học sinh lòng say mê học toán. Vận dụng vào cuộc sống.

- Phát triển một số năng lực ở HS: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, tư duy và lập luận toán học

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

1. HĐ khởi động: (3')

- Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Hỏi nhanh - Đáp đúng"

- GV nhận xét

- Giáo viên giới thiệu bài học.

2. Hoạt động luyện tập thực hành (30')

Bài 1:

- Gọi HS đọc yêu cầu, TLCH:

+ Những phân số như thế nào thì gọi là phân số thập phân?

+ Nêu cách viết phân số đã cho thành phân số thập phân?

- Yêu cầu học sinh tự làm bài

- Giáo viên nhận xét.

- *Kết luận:* PSTP là phân số có MS là 10,100,1000,...Muốn chuyển PS thành PSTP ta phải tìm 1 số nhân với mẫu số (hoặc mẫu số chia cho số đó) để có mẫu số là 10, 100... sau đó nhân (chia) cả TS và MS với số đó để được phân số thập phân bằng phân số đã cho

Bài 2:

- Nêu yêu cầu của bài tập?

- Có thể chuyển 1 hỗn số thành 1 phân số

- HS chơi trò chơi

- HS ghi vở

- Học sinh đọc yêu cầu bài tập .

- Những phân số có mẫu số là 10, 100... gọi là các phân số thập phân.

- Trước hết ta tìm 1 số nhân với mẫu số (hoặc mẫu số chia cho số đó) để có mẫu số là 10, 100... sau đó nhân (chia) cả TS và MS với số đó để được phân số thập phân bằng phân số đã cho

- HS làm bài cá nhân, chia sẻ kết quả

$$\frac{14}{70} = \frac{14:7}{70:7} = \frac{2}{10}; \frac{75}{300} = \frac{75:3}{300:3} = \frac{25}{100}$$

$$\frac{11}{25} = \frac{11 \times 4}{25 \times 4} = \frac{44}{100}; \frac{23}{500} = \frac{23 \times 2}{500 \times 2} = \frac{46}{1000}$$

- HS theo dõi

- Chuyển các hỗn số thành phân số:

như thế nào?

- Yêu cầu HS tự làm bài
- Chấm 1 số bài
- GV nhận xét chữa bài, yêu cầu HS nêu lại cách chuyển

Bài 3:

- Học sinh đọc yêu cầu bài tập .
- Yêu cầu HS làm bài
- Chấm 1 số bài

- Giáo viên cùng học sinh nhận xét.

Bài 4:

- Giáo viên ghi bảng $5m7dm = ?m$
- Hướng dẫn học sinh chuyển số đo có 2 tên đơn vị thành số đo 1 tên viết dưới dạng hỗn số.
- Yêu cầu HS làm bài
- Giáo viên cùng học sinh nhận xét.

3. Hoạt động vận dụng : (2')

- Kiến thức: Củng cố kiến thức về số thập phân.
- Vận dụng cách chuyển đổi đơn vị đo độ dài vào cuộc sống.

* **Đối với HSKT:** Biết đọc, viết các số trong phạm vi 100

Điều chỉnh, bổ sung:

.....

.....

TIẾT 2: LUYỆN TẬP CHUNG (trang 16, 17)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :

- Học sinh biết cộng, trừ phân số, hỗn số.
- Chuyển các số đo có hai tên đơn vị thành số đo có một tên đơn vị đo. Giải bài toán tìm một số biết giá trị một phân số của số đó. HS làm các bài 2, bài 4 , bài 1 trang 16 và bài 3 trang 17.

- Nhân phân nguyên với mẫu số rồi cộng với tử số của phân số ta được tử số của phân số. Còn mẫu số là mẫu số của phân số.

- Học sinh làm vở, báo cáo kết quả

$$8\frac{2}{5} = \frac{42}{5}; 4\frac{3}{7} = \frac{31}{7}; 5\frac{3}{4} = \frac{23}{4}; 2\frac{1}{10} = \frac{21}{10}$$

- Viết phân số thích hợp vào chỗ trống
- HS làm vở, báo cáo

$$a, 1dm = \frac{1}{10} m \qquad b, 1g = \frac{1}{1000} kg$$

$$3dm = \frac{3}{10} m \qquad 8g = \frac{8}{1000} kg$$

- HS nhận xét

- HS thảo luận nhóm 4 tìm cách làm.

- Học sinh nêu cách làm:

- HS làm vở, chia sẻ trước lớp

$$+ 2m 3dm = 2m + \frac{3}{10} m = 2\frac{3}{10} m$$

$$+ 4m 37cm = 4m + \frac{37}{100} m = 4\frac{37}{100} m$$

- HS nghe

- HS nghe và thực hiện

- Ham tìm tòi, khám phá kiến thức, yêu thích môn học chăm chỉ, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm, yêu thích làm toán.
- Phát triển một số năng lực ở HS: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

1. HĐ khởi động: (3')

- Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Hộp quà bí mật" với các câu hỏi sau:
 - + Nêu cách cộng hai phân số khác mẫu số.
 - + Nêu cách trừ hai phân số khác mẫu số.
 - + Nêu cách cộng 2 hỗn số.
 - + Nêu cách cộng 2 hỗn số.

- GV nhận xét
- Giáo viên giới thiệu bài học.

2. Hoạt động luyện tập thực hành (29')

Bài 2(a, b):

- Gọi HS đọc yêu cầu
- Yêu cầu HS tự làm bài
- Chấm 1 số bài

- Giáo viên nhận xét, kết luận

Bài 4:

- Gọi HS nêu yêu cầu
- Cho HS thảo luận tìm cách thực hiện
- Yêu cầu HS làm bài
- Chấm 1 số bài
- Giáo viên nhận xét .

Bài 1: (trang 16)

- Gọi HS đọc yêu cầu

- Có thể hỏi thêm học sinh:
 - + Muốn nhân 2 phân số ta làm như thế nào?
 - + Muốn chia 2 phân số ta làm như thế nào?
 - + Muốn thực hiện các phép tính với hỗn số ta làm như thế nào?

- Cho HS làm bài vào vở sau đó chấm 1 số bài

- HS chơi trò chơi

- HS nghe
- HS ghi vở

- Tính

- Học sinh làm rồi báo cáo với giáo viên

$$a, \frac{5}{8} - \frac{2}{5} = \frac{25 - 16}{40} = \frac{9}{40}$$

$$b, 1\frac{1}{10} - \frac{3}{4} = \frac{44 - 30}{40} = \frac{14}{40}$$

- Viết các số đo độ dài (theo mẫu)

- HS thực hiện

- Học sinh làm bài, đổi chéo vở để kiểm tra. Báo cáo kết quả

$$8\text{dm } 9\text{cm} = 8\text{dm} + \frac{9}{10}\text{dm} = 8\frac{9}{10}\text{dm}$$

$$12\text{cm } 5\text{mm} = 12\text{cm} + \frac{5}{10}\text{cm} = 12\frac{5}{10}\text{cm}$$

- Đọc yêu cầu bài 1.

$$\frac{7}{9} \times \frac{4}{5} = \frac{28}{45}; \quad 2\frac{1}{4} \times 3\frac{2}{5} = \frac{9}{4} \times \frac{17}{5} = \frac{153}{20}$$

$$\frac{1}{5} : \frac{7}{8} = \frac{1}{5} \times \frac{8}{7} = \frac{8}{35}$$

$$1\frac{1}{5} : 1\frac{1}{3} = \frac{6}{5} : \frac{4}{3} = \frac{6}{5} \times \frac{3}{4} = \frac{18}{20} = \frac{9}{10}$$

- Học sinh trả lời.

- Học sinh nêu.

- Giáo viên nhận xét và chất kiến thức
- Bài 3 (trang 17):**
- Đọc yêu cầu bài 3.
 - GV hướng dẫn mẫu
 - Yêu cầu HS làm bài cá nhân
 - GV chấm 1 số bài ; nhận xét chữa bài

- Học sinh trả lời.

- Học sinh làm bài vào vở
- Cả lớp theo dõi
- HS theo dõi

$$2m15cm = 2m + \frac{15}{100}m = 2\frac{15}{100}m$$

$$1m75cm = 1m + \frac{75}{100}m = 1\frac{75}{100}m$$

$$5m36cm = 5m + \frac{36}{100}m = 5\frac{36}{100}m$$

$$8m8cm = 8m + \frac{8}{100}m = 8\frac{8}{100}m.$$

3. Vận dụng, mở rộng : (3')

- Đo độ dài quyển sách giáo khoa Toán 5 bằng thước kẻ và đổi về đơn vị đo là đề-xi-mét.
- HS thực hiện

* **Đối với HSKT:** Biết đọc, viết các số trong phạm vi 100
Điều chỉnh, bổ sung:

.....

.....

TIẾT 3: ÔN TẬP VỀ GIẢI TOÁN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :

- Biết giải toán dạng tìm hai số khi biết tổng (hiệu) và tỉ số của hai số đó.
- Làm được bài tập dạng tìm hai số khi biết tổng (hiệu) và tỉ số của hai số đó. HS làm bài 1
- Yêu thích học toán, cẩn thận, chính xác.
- Phát triển một số năng lực ở HS: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, tư duy và lập luận toán học.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

1. Hoạt động khởi động: (5')

- Cho HS tổ chức trò chơi "Ai nhanh, ai đúng" với nội dung: Viết số đo độ dài theo hỗn số.
- a. 5m 12dm =m; b. 4dm 16cm = ...dm
 c. 9dm 7cm =dm; d. 8m 2dm =m

- GV nhận xét

- Giáo viên giới thiệu bài học.

2. Hoạt động khám phá (10')

- HS chơi trò chơi

- HS nghe

- HS ghi vở

* *Bài toán về tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.*

Bài toán 1:

- Yêu cầu HS nêu lại các bước giải

* *Bài toán về tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó.*

Bài toán 2:

- Nêu cách giải bài toán

- KL: Nêu lại các bước giải 2 dạng toán trên.

3. Hoạt động thực hành: (18')

Bài 1:

- *Củng cố cho học sinh về 2 dạng tổng (hiệu) và tỉ số của hai số*

- Gọi HS đọc yêu cầu

- Yêu cầu HS nêu lại các bước giải

- Yêu cầu HS làm bài

- GV chấm 1 số bài và nhận xét.

Bài 2 :

- *Củng cố cho học sinh dạng toán Hiệu-tỉ*

- Gọi học sinh đọc bài và nêu yêu cầu của bài tập

- Hỏi 1 số HS TB bài toán thuộc dạng toán nào đã học.

- Cho học sinh làm bài và chấm 1 số bài

- Nhận xét bài làm của học sinh

Bài 3:

-*Củng cố cho học sinh dạng Tổng - tỉ, tính diện tích hình chữ nhật và nhớ được cách tìm phân số của một số.*

- Gọi học sinh đọc đề bài.

- Phân tích các yếu tố có trong bài để lập sơ đồ giải sau đó cho HS giải ngược sơ đồ để HS làm

- Chấm bài của 1 số học sinh.

- Nhận xét bài làm của học sinh

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng: (2')

- HS dựa vào thông tin của lớp, lập bài toán tổng - tỉ, hiệu - tỉ.

- Về nhà ôn lại các bước giải 2 dạng toán điển hình trên.

- Học sinh đọc đề bài và làm.

- HS nêu lại đề, nêu cách làm và làm bài

- HS nhắc lại

- Cả lớp theo dõi

- 2 học sinh nhắc lại

- Cả lớp làm vở,

- 2 HS làm bảng lớp, lớp theo dõi và nhận xét

- Đọc đề toán và nêu yêu cầu của bài tập.

-1 học sinh nêu cách làm bài.

-Lớp làm bài vào vở

-1 HS chữa bài trên bảng

- Đọc đề toán và nêu yêu cầu của bài tập.

- Quan sát cách lập sơ đồ giải để nắm được cách làm bài.

- HS liên hệ thực tế, đặt đề toán

- Lắng nghe và thực hiện

* **Đối với HSKT:** Biết đọc, viết các số trong phạm vi 100

Điều chỉnh, bổ sung:

.....
.....

TIẾT 4: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG VỀ GIẢI TOÁN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Biết một dạng quan hệ tỷ lệ (đại lượng này gấp lên bao nhiêu lần thì đại lượng tương ứng cũng gấp lên bấy nhiêu lần).
- Giải bài toán liên quan đến quan hệ tỉ lệ này bằng 1 trong 2 cách “Rút về đơn vị” hoặc “Tìm tỉ số”. HS cả lớp làm được bài 1 và bài 2 .HS M3, M4 làm hết các bài
- Ham tìm tòi, khám phá kiến thức, yêu thích môn học chăm chỉ, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm, Thích học toán.
- Năng tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

1. Hoạt động khởi động: (5’)

- Cho HS chia sẻ kiến thức đã học:
 - + Nêu các bước giải bài toán tổng - tỉ ?
 - + Nêu các bước giải bài toán hiệu - tỉ ?
 - + Cách giải 2 dạng toán này có gì giống và khác nhau ?

- Giáo viên nhận xét
- Giới thiệu bài - Ghi bảng

2. Hoạt động khám phá (11’)

**Tìm hiểu về quan hệ tỉ lệ thuận.*

- gọi HS đọc ví dụ 1.
- Cho HS thảo luận nhóm 4 tìm hiểu đề,
 - **KL:** Khi thời gian gấp lên bao nhiêu lần thì quãng đường gấp lên bấy nhiêu lần
- * Gọi HS đọc ví dụ 2.
- Cùng HS phân tích đề toán
- Cho HS thảo luận tìm cách giải.

Cách 1: Rút về đơn vị.

Hỏi HS cách làm dạng toán rút về đơn vị đã được học ở lớp 3 và lớp 4

**Hướng dẫn HS cách lập tỉ số*

Cách 2: Tìm tỉ số.

- So với 2 giờ thì 4 giờ gấp mấy lần?
- Như vậy quãng đường đi được trong 4 giờ gấp quãng đường đi được trong 2 giờ mấy lần? Vì sao?

- HS chia sẻ trước lớp

- HS nghe
- HS ghi vở

- 1 học sinh đọc.

- Học sinh thảo luận rút ra nhận xét.
 - 2 - 3 em nhắc lại.
 - HS đọc

- Học sinh thảo luận, tìm ra 2 cách giải.

- 1 HS trình bày cách làm

- 4 giờ gấp 2 giờ số lần là: $4:2=2$ (lần).
- Gấp 2 lần vì kế hoạch tăng thời gian ? lần thì quãng đường cũng tăng lên bấy nhiêu lần.

- Vậy 4 giờ đi được bao nhiêu km?
- **KL:** Bước tìm 4 giờ gấp 2 giờ mấy lần được gọi là bước tìm tỉ số.
- Khái quát và chốt cho HS dạng lập tỉ số
- Yêu cầu HS trình bày bài vào vở.

- 4 giờ đi được: $90 \times 2 = 180$ (km)

- Học sinh trình bày vào vở.

3. Hoạt động thực hành: (15')

Bài 1:

- Gọi HS đọc yêu cầu
- Yêu cầu HS phân tích đề, tìm cách giải.
- Chấm 1 số bài và nhận xét

- Học sinh đọc đề
- HS phân tích đề, tìm cách giải
- HS làm vở, chia sẻ kết quả

Bài 2:

- Gọi HS đọc đề toán và nêu yêu cầu đồng thời xác định 2 đại lượng có trong bài.
- Chấm bài cho học sinh và nhận xét chung.

- Học sinh đọc đề
- HS phân tích đề, tìm cách giải
- Làm cá nhân vào vở, đổi vở để kiểm tra chéo

Bài 3:

- Biết lập tỉ số giữa số dân cả xã đó với 1000 để tìm số người tăng trong 1 năm.
- Phân tích cho học sinh hiểu được nội dung cũng như yêu cầu của bài tập
- Hướng dẫn học sinh làm bài vào vở

- Đọc đề bài và nêu yêu cầu của bài tập
- Nghe và trả lời các câu hỏi phân tích bài.
- Làm bài vào vở

4. Hoạt động vận dụng:(4')

- Có phải bài nào của dạng toán này cũng có thể giải bằng hai cách không? Cho ví dụ.

- HS trả lời

* **Đối với HSKT:** Biết đọc, viết các số trong phạm vi 100

Điều chỉnh, bổ sung:

.....

.....

TIẾT 5:

LUYỆN TẬP (trang 19)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Biết giải bài toán liên quan đến tỉ lệ bằng một trong hai cách “Rút về đơn vị” hoặc “Tìm tỉ số”.
- Giải bài toán liên quan đến tỉ lệ bằng một trong hai cách “Rút về đơn vị” hoặc “Tìm tỉ số”. HS Hoàn thành tốt các bài tập riêng học sinh ở M₁ làm được bài 1,3
- Ham tìm tòi, khám phá kiến thức, yêu thích môn học chăm chỉ, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm. Yêu thích học toán, cẩn thận, chính xác.
- HS phát triển một số năng lực: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

1. HĐ khởi động: (5')

- Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Bắn tên" với các câu hỏi:

+ Tiết học trước ta học giải dạng toán nào?

+ Khi giải bài toán có liên quan đến tỉ lệ cùng tăng hoặc cùng giảm ta có mấy cách giải? Đó là những cách nào?

- Nhận xét đánh giá

- Giới thiệu bài - Ghi bảng.

2. HĐ luyện tập thực hành (27')

Bài 1:

- Giao nhiệm vụ cho HS đọc đề bài, thảo luận nhóm 4, trả lời câu hỏi và tìm cách giải, chẳng hạn như:

+ Bài toán cho biết gì?

+ Bài toán hỏi gì?

+ Biết giá tiền 1 quyển vở là không đổi, nếu số vở mua nhiều lên thì số tiền để mua vở sẽ như thế nào?

- Chấm 1 số bài

- Nhận xét bài làm của học sinh.

Bài 2:

- Gọi HS đọc bài và nêu yêu cầu của bài tập

- Học sinh biết rằng 1 tá gồm 12 chiếc từ đó biết lập tỉ số giữa số bút chì giảm đi bao nhiêu lần thì số tiền phải trả cũng giảm đi bấy nhiêu lần.

- Chấm bài và giúp đỡ những HS còn lúng túng.

Nhận xét và chốt kiến thức khi gặp loại bài như vậy

Bài 3:

- Giao nhiệm vụ cho HS vận dụng cách làm của bài tập 1 để áp dụng làm bài tập

- GV nhận xét, kết luận

Bài 4:

- Giao nhiệm vụ cho HS thảo luận cặp đôi để làm bài.

- Chấm 1 số bài của học sinh

- Nhận xét bài làm của học sinh

- HS chơi trò chơi

- HS nghe

- HS ghi vở

- Nhóm trưởng điều khiển nhóm thực hiện.

Mua 12 quyển vở: 24.000 đồng

Mua 30 quyển vở... đồng?

- Khi số quyển vở được mua nhiều lên thì số tiền phải trả sẽ nhiều lên.

- Đại diện nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- Làm bài vào vở, 1 HS chữa bài trên bảng, lớp so sánh nhận xét.

- Học sinh đọc bài và nêu yêu cầu của bài

- Làm cá nhân vào vở.

- 1 Học sinh chữa bài trên bảng, Lớp đổi vở kiểm tra kết quả và báo cáo.

- HS làm bài cá nhân,

- 1 Học sinh làm bảng, lớp so sánh và nhận xét.

- HS làm bài cặp đôi, đổi vở để kiểm tra chéo lẫn nhau, báo cáo giáo viên.

- Nêu mối quan hệ giữa số ngày làm và số tiền công nhận được. Biết rằng mức trả công một ngày không đổi?

- Nếu mức trả công 1 ngày không đổi thì khi tăng hoặc (giảm) đại lượng ngày làm việc bao nhiêu lần thì đại lượng số tiền nhận được cũng tăng hoặc (giảm) bấy nhiêu lần.

3.HĐ vận dụng – mở rộng : (3')

- Nêu các cách giải bài toán liên quan đến tỉ lệ.
- Vận dụng linh hoạt các cách khi giải toán về quan hệ tỉ lệ.

- HS nêu

- HS vận dụng khi giải toán

* **Đối với HSKT:** Biết đọc, viết các số trong phạm vi 100

Điều chỉnh, bổ sung:

.....

.....

TIẾT 6:

TOÁN⁺

LUYỆN TẬP CÁC PHÉP TÍNH VỚI HỖN SỐ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Ôn tập cách chuyển từ phân số thành hỗn số, cộng, trừ, nhân, chia phân số, giải toán có lời văn.

- Rèn kĩ năng chuyển phân số thành hỗn số và thực hiện các phép tính với phân số, vận dụng vào tìm thành phần chưa biết và giải toán có lời văn.

- HS làm tốt các bài tập theo yêu cầu.

- HS phát triển một số năng lực: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

1.HĐ1: Khởi động: 3'

- Nêu cách tính cộng, trừ, nhân, chia với hỗn số. -> Nhận xét.

- HS trả lời.

- HS nhận xét.

- HS nghe.

2.HĐ 2: Luyện tập: 30'

Bài 1: Chuyển các hỗn số thành phân số rồi thực hiện phép tính.

a) $3\frac{1}{3} + 2\frac{2}{5}$

b) $6\frac{3}{4} \times 1\frac{7}{12}$

c) $\frac{3}{4} + 1\frac{5}{8} - \frac{1}{2}$

d) $9\frac{5}{6} : 8\frac{1}{7}$

- Gọi HS nêu lại cách làm từng phần.

- HS nêu yêu cầu bài.

- Gv nhận xét, đánh giá, củng cố cách chuyển hỗn số sang phân số rồi tính.

- HS làm bài, 4 HS lên bảng

- HS nhận xét.

Bài 2: Tìm x

- HS nghe

a) $7\frac{3}{5} : x = 5\frac{4}{15} - 1\frac{1}{6}$

b) $x \times 2\frac{2}{3} = 3\frac{4}{8} + 6\frac{5}{12}$

- HS nêu lại cách tìm thành phần chưa biết của phép tính?
- Tổ chức cho HS chữa bài, 2 HS lên bảng làm bài
- Gọi HS nhận xét.
- GV nhận xét, chốt đáp án đúng.

Bài 3: Hình chữ nhật có chiều dài $2\frac{3}{4}$ m, chiều rộng kém chiều dài $1\frac{1}{2}$ m. Tính chu vi và diện tích hình chữ nhật đó.

- HS hỏi - đáp tìm hiểu đề.
- YC HS làm bài.
- GV quan sát, giúp đỡ HS làm bài còn lúng túng, chấm 1 số bài.
- Gọi HS nhận xét.

Bài 4: Có một bao gạo. Từ ba gạo đó người ta lấy ra $\frac{9}{10}$ bao gạo là $1\frac{4}{5}$ kg. Hỏi nếu lấy ra $\frac{4}{5}$ bao gạo đó thì được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

- Cho HS nêu hướng giải - HS làm bài.
- GV quan sát, giúp đỡ HS làm bài còn lúng túng.
- Gọi HS nhận xét.
- GV nhận xét, chốt đáp án đúng.

3. HD 3: Vận dụng: 2'

- Hỗn số gồm mấy phần?
- Về nhà luyện tính các phép tính có hỗn số.
- GV nhận xét tiết học. Dặn HS xem lại bài.

* **Đối với HSKT:** Biết đọc, viết các số trong phạm vi 100

- HS nêu yêu cầu bài.
- HS nêu cách làm
- HS làm bài vào vở. 2 HS lên chữa bài.
- HS nhận xét.
- HS nghe.

- HS hỏi -đáp tìm hiểu đề.
- Lóp làm bài, 1 HS chữa bài

- HS nhận xét.
- HS nghe

- HS nêu. HS làm bài
- Lóp làm bài, 1 HS chữa bài
- HS nhận xét.
- HS nghe

Điều chỉnh, bổ sung:

.....

.....

BGH KÍ DUYỆT

TỔ CHUYÊN MÔN KIỂM TRA

